| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THUỶ NGUYÊN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 97/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13-7-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Lương

Bà Nguyễn Thị Lý

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1992; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Thôn T1, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đào Văn C, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2018 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, chị Nguyễn Thị V (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Đào Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2016 ngày 14 tháng 3 năm 2016. Chị V và anh C chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, thiếu tôn trọng và niềm tin với nhau. Mâu thuẫn ngày càng trở nên sâu sắc, trầm trọng. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 tới nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Chị V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Đào Văn C có một con chung tên Đào Duy A sinh ngày 31 tháng 3 năm 2017. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung tên Đào Duy A. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh C tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị V trình bày chị và anh C không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 6 năm 2018 anh Đào Văn C (bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đào Văn C và chị Nguyễn Thị V kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách sống, không còn tình cảm với nhau. Do mẫu thuẫn nên chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 11/2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị V xin ly hôn anh đồng ý ly hôn vì xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị V có một con chung tên Đào Duy A sinh ngày 31 tháng 3 năm 2017, khi ly hôn anh đề nghị chị V nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh đề nghị để tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại 02 biên bản xác minh ngày 17/5/2018 thể hiện quá trình kết hôn, chung sống, quá trình mâu thuẫn, ly thân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, sâu sắc không thể hàn gắn tình cảm được và về con chung như chị V và anh C đã trình bày.

Chị Nguyễn Thị V đã nộp cho Tòa án: Giấy kết hôn số 05/2016 ngày 14 tháng 3 năm 2016; Bản sao: Sổ hộ khẩu của anh Đào Văn C và của chị Nguyễn Thị V; Giấy khai sinh của con chung; Chứng minh nhân dân để chứng minh cho yêu cầu của mình. Anh Đào Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 34/TB-TA ngày 11/6/2018 và anh C không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án.

Trong vụ án này: Lời trình bày của chị Nguyễn Thị V về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà chị giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh Đào Văn C cũng thừa nhận nên đó là sự thật và thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản, công nợ chung phát sinh từ quan hệ hôn nhân, chị V và anh C thừa nhận không có và không yêu cầu nên không đặt vấn đề phải chứng minh. Chị V và anh C đã có lời khai của mình thể hiện các quan điểm về việc giải quyết toàn bộ nội dụng của vụ án, Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải quyết cho chị Nguyễn Thị V và anh Đào Văn C được ly hôn. Về con chung chị V và anh C có một con chung tên Đào Duy A sinh ngày 31 tháng 3 năm 2017 và giao cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị V và anh C tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung chị V và anh C trình bày không có tài

sản chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị V và anh C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Chị V vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh C đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh C.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị V và anh Đào Văn C được xác lập vào năm 2016 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trở nên căng thẳng, trầm trọng kể từ năm 2017 dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2017 đến nay. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi lẫn nhau, hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn sâu sắc đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn. Chị V xin ly hôn với anh C và anh C đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V với anh Đào Văn C.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Đào Văn C có một con chung tên là Đào Duy A sinh ngày 31 tháng 3 năm 2017. Con chung Đào Duy A dưới 36 tháng tuổi vẫn đang sinh sống ổn định với chị V kể từ khi chị sống ly thân tới nay, chị V xin nuôi con và anh C thống nhất giao con chung cho chị V nuôi khi ly hôn. Chị V có công việc thu nhập, thời gian và nơi cư trú ổn định đảm bảo được việc nuôi dưỡng cho con chung nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên Đào Duy A cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị V và anh C tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Đào Văn C trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Đào Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Đào Duy A sinh ngày 31 tháng 3 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Đào Văn C tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Đào Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0008884 ngày 12 tháng 4 năm 2018; Chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V, anh Đào Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Lưu Kỳ, huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Vân**